

Số: 114 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 01 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Trường THPT Đào Duy Từ, thành phố Thanh Hóa.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ- CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ- CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013 của Bộ Xây dựng quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng về công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình; Quyết định số: 587/QĐ-BXD, 588/QĐ-BXD ngày 29/5/2014 của Bộ Xây dựng về công bố định mức dự toán xây dựng công trình (sửa đổi và bổ sung);

Căn cứ Quyết định số 3473/QĐ- UBND ngày 11/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Trường THPT Đào Duy Từ, thành phố Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 6917/SXD-HĐXD ngày 28/12/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Trường THPT Đào Duy Từ, thành phố Thanh Hóa, với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên công trình:** Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Trường THPT Đào Duy Từ, thành phố Thanh Hóa.

2. Chủ đầu tư: Trường THPT Đào Duy Từ.

3. Địa điểm xây dựng: Trường THPT Đào Duy Từ, số 33 đường Lê Quý Đôn, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa.

4. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

5. Quy mô và nội dung đầu tư: Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các phòng học của khu nhà học dãy nhà A, 04 tầng (ưu tiên gia cố, sửa chữa các hạng mục đã xuống cấp, không phù hợp và không đảm bảo an toàn trong sử dụng).

5.1. Giải pháp kiến trúc:

- Phá dỡ toàn bộ phần sảnh hiện trạng. Xây mới sảnh chính và sảnh phụ với hình thức kiến trúc hiện đại sử dụng hệ thống lam che nắng nhôm và cột ốp Alunimium. Nền sảnh lát gạch Ceramic kích thước 400x400mm;

- Toàn bộ mặt đứng chính của công trình phá dỡ các vị trí lanh tô, ô văng; mái ngói; hoa văn; tháo dỡ đồng hồ và cải tạo lại; kết hợp lăn sơn trực tiếp; và ốp gạch thẻ trang trí;

- Bóc bỏ lớp vữa bong tróc, vệ sinh, trát mới lại một số vị trí của tường và cầu kiện BTCT bằng VXM mác 75# tại các phòng chức năng, hành lang và cầu thang;

Bóc bỏ lớp vữa bị ngấm rêu mốc, trát lại bằng VXM mác 75# tại các khu vệ sinh. Xây mới bậc tam cấp xây gạch tiêu chuẩn VXM mác 50#, mặt bậc lát đá Granit màu vàng.

5.2. Giải pháp kết cấu:

- Phần móng khu vực cải tạo mở rộng sử dụng giải pháp móng băng BTCT đá 1x2 mác 250# toàn khối đổ tại chỗ. Dầm giằng móng BTCT đá 1x2 mác 250# đổ tại chỗ. Tường móng xây gạch VXM mác 75#;

- Kết cấu khung khu vực mở rộng sử dụng khung BTCT chịu lực. Cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 250# toàn khối đổ tại chỗ. Tiết diện dầm điển hình: 220x300mm; 220x400mm; tiết diện cột điển hình 220x300mm; 300x300mm. Sàn BTCT điển hình dày 100mm.

*(Nội dung chi tiết theo hồ sơ thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của Sở Xây dựng kèm theo Tờ trình số 6917/SXD-HĐXD ngày 28/12/2015)*

6. Tổng mức đầu tư: 1.998.790.000 đồng.

Trong đó:

- |                          |                     |
|--------------------------|---------------------|
| - Chi phí xây lắp:       | 1.493.458.745 đồng; |
| - Chi phí Quản lý dự án: | 34.268.090 đồng;    |
| - Chi phí tư vấn ĐTXDCT: | 262.625.989 đồng;   |
| - Chi phí khác:          | 26.729.332 đồng;    |
| - Chi phí dự phòng:      | 181.708.216 đồng.   |

*(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)*

**8. Nguồn vốn:** Nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2015 và năm 2016.

**10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2016.**

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Trường THPT Đào Duy Từ (chủ đầu tư) căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Các ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan căn cứ vào chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của mình chủ động giải quyết các công việc có liên quan đến ngành, đơn vị; đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp với chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Hiệu trưởng Trường THPT Đào Duy Từ và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

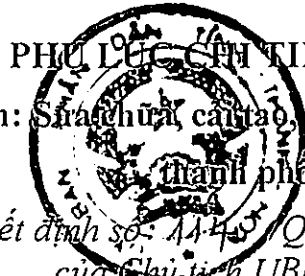
- Như điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh Phạm Đình Minh;
- Lưu:VT, VX.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*[Handwritten signature]*

Phạm Đăng Quyền



**PHỤ LỤC CHI TIẾT TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

Tên công trình: Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Trường THPT Đào Duy Từ,  
thị trấn Thanh Hóa.

(Kèm theo Quyết định số: 1145/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2016  
của Ủy ban UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Thành tiền
	<b>TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (G)</b>	<b>(I+II+III+IV+V)</b>	<b>1.998.790.000</b>
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG (Gxd)</b>	<b>1+2</b>	<b>1.493.458.745</b>
1	Phần sửa chữa	Theo dự toán	263.355.415
2	Phần cải tạo	Theo dự toán	1.230.103.330
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN (Gqlđ)</b>	<b>2,524% x (Gxd) trước VAT</b>	<b>34.268.090</b>
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (Gtv)</b>	<b>1+2+...+7</b>	<b>262.625.989</b>
1	Chi phí kiểm định	Quyết định số 45/QĐ-DDT ngày 14/9/2015	65.152.000
2	Chi phí khảo sát	Quyết định số 58/QĐ-DDT ngày 09/10/2015	85.826.000
3	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	3,6% x Gxd trước VAT	53.764.515
4	Chi phí thẩm tra thiết kế và dự toán	0,406% x Gxd trước VAT	6.063.443
5	Chi phí lập HSMT xây lắp và đánh giá HSDT .	0,337% x Gxd trước VAT	5.032.956
6	Tư vấn giám sát thi công xây dựng	2,628%*Gxd trước VAT	39.248.096
7	Chi phí giám sát đánh giá dự án đầu tư	20% x Gqlđ	7.538.980
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC (Gk)</b>	<b>1+2+...+6</b>	<b>26.729.332</b>
1	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (tạm tính)	Theo Văn bản số 2814/BXD-GĐ ngày 30/12/2013	2.000.000
2	Lệ phí thẩm định Báo cáo Kinh tế- Kỹ thuật.	TMĐT x 0,019% (Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 6/12/2011 )	379.770
3	Chi phí thẩm định HSYC và kết quả lựa chọn nhà thầu	Mức tối thiểu (Theo NĐ số 63/2014/NĐ-CP)	2.000.000
4	Chi phí bảo hiểm công trình (tạm tính tỷ lệ phần trăm)	0,3% x Gxd Trước VAT	4.480.376



5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	TMĐT x 0,38% (Theo Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011)	3.797.702
6	Chi phí kiểm toán	TMĐT x 0,64% ( Theo Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 )	14.071.484
V	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG (Gdp)</b>	<b>1+2</b>	<b>181.708.216</b>
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	$(G_{XD}+G_{TV}+G_{QLDA}+G_K) \times 5\%$	90.854.108
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	$(G_{XD}+G_{TV}+G_{QLDA}+G_K) \times 5\%$	90.854.108